

Số: 2640 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 10 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ trẻ em và người thực hiện cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập (đợt 8)**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Công văn số 2880/UBND-KGVX ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ủy quyền ban hành quyết định hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của UBND huyện Bù Gia Mập tại Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 và ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1929/TTr-SLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ trẻ em và người thực hiện cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập (đợt 8), có danh sách kèm theo, cụ thể như sau:

- Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 23 người, trong đó:
  - + F1 đã hoàn thành cách ly y tế tập trung: 15 người;
  - + Trẻ em là F1 đã hoàn thành cách ly y tế tập trung: 08 người
- Tổng kinh phí hỗ trợ: 27.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu đồng.



**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

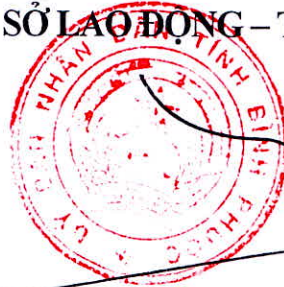
**Nơi nhận :**

- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP tỉnh, các Phòng;
- Lưu VT, KGVX.

**TUQ. CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC**

**SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**



*[Handwritten signature]*

**Huỳnh Thị Thùy Trang**

**DANH SÁCH F1, TRẺ EM ĐƯỢC HỖ TRỢ DO PHẢI ĐIỀU TRỊ, CÁCH LY Y TẾ  
 ĐỂ PHÒNG, CHỐNG COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÙ GIÀ MẬP (ĐỢT 8)**  
 (Kèm theo Quyết định số 2640 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ	Số CMT, thẻ CCCD của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (Đối với trẻ em)	Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)			Ghi chú
		Nam	Nữ							Tiền ăn	Hỗ trợ thêm	Tổng tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15
<b>I</b>	<b>DANH SÁCH F1: 15 NGƯỜI</b>											<b>13.360.000</b>	
1	Trần Thị Khánh Ly		2001			Thôn 3, xã Phú Văn	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000		720.000	
2	Huỳnh Công Triều	1965				Thôn 1, xã Phú Văn	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000		720.000	
3	Huỳnh Văn Thanh	1989				Thôn 1, xã Phú Văn	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000		720.000	
4	Trương Thị Quỳnh Nga		1999			Thôn 1, xã Phú Văn	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000		720.000	
5	Thị Út		1979			Thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000		720.000	
6	Điền Lang	2000				Thôn 1, xã Phú Văn	30/7/2021	09/8/2021	11	880.000		880.000	
7	Nguyễn Văn Điệp	1990				Thôn 2, xã Phú Văn	27/7/2021	10/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
8	Nguyễn Thị Hồng Lê		1994			Thôn Bình Đức 2, xã Đức Hạnh	31/7/2021	10/8/2021	11	880.000		880.000	
9	Nguyễn Thị Liễu		2000			Thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh	02/8/2021	12/8/2021	11	880.000		880.000	
10	Phạm Thị Hà Thanh		1993			Thôn Bình Đức 2, xã Đức Hạnh	02/8/2021	12/8/2021	11	880.000		880.000	
11	Thới Thị Phụng		1990			Thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh	02/8/2021	12/8/2021	11	880.000		880.000	

12	Đặng Thị Ngọc Ánh		1976			Thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh	31/7/2021	12/8/2021	13	1.040.000		1.040.000	
13	Lê Thị Hằng		1994			Thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh	31/7/2021	12/8/2021	13	1.040.000		1.040.000	
14	Nguyễn Quốc Huy	1977				Thôn 3, xã Bình Thắng	11/8/2021	24/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
15	Trần Trung Hiếu	1996				Thôn 6a, xã Bình Thắng	12/8/2021	24/8/2021	13	1.040.000		1.040.000	
<b>II</b>	<b>DANH SÁCH TRẺ EM F1: 08 NGƯỜI</b>												
												<b>13.640.000</b>	
1	Huỳnh Hữu Thiện	2012		Huỳnh Văn Thanh	285174859	Thôn 1, xã Phú Vãn	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
2	Huỳnh Quốc Duy	2018		Huỳnh Văn Thanh	285174859	Thôn 1, xã Phú Vãn	31/7/2021	08/8/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
3	Trịnh Xuân Nhật	2012		Trịnh Xuân Thanh	070755683	Thôn 1, xã Phú Vãn	30/7/2021	08/8/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
4	Trịnh Nhật Huy	2016		Trịnh Xuân Thanh	070755683	Thôn 1, xã Phú Vãn	30/7/2021	08/8/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
5	Nguyễn Vũ Phong	2018		Nguyễn Thị Hồng Liên	044192004091	Thôn 3, xã Phú Vãn	27/7/2021	10/8/2021	8	640.000		640.000	là F1, đã được hỗ trợ tiền ăn 13 ngày ở đợt 2, nay tiếp tục là F1
6	Nguyễn Hoàng Thảo Vy		2006	Nguyễn Thế Diệm	285413400	Thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh	01/8/2021	12/8/2021	12	960.000	1.000.000	1.960.000	
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo		2010	Hoàng Thị Huyền	250968109	Thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh	01/8/2021	12/8/2021	12	960.000	1.000.000	1.960.000	
8	Đặng Thị Khánh Ly		2008	Đặng Văn Hà	285426772	Thôn Bình Đức 2, xã Đức Hạnh	31/7/2021	12/8/2021	13	1.040.000	1.000.000	2.040.000	
<b>TỔNG CỘNG: 23 NGƯỜI</b>												<b>27.000.000</b>	
<i>Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu đồng./.</i>													